

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang (tỷ lệ 1/500)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây Dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 1633-TB/TU 04/5/2023 của Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 95/TTr-SXD ngày 04/5/2023 kèm theo Báo cáo số 111/BC-SXD ngày 23/3/2023; Công ty Cổ phần LIDECO1 tại Tờ trình số 60/TTr-LIDECO 1 ngày 20/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang (tỷ lệ 1/500), với các nội dung chính như sau:

1. Lý do và sự cần thiết phải điều chỉnh:

Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021. Sau khi được phê duyệt quy hoạch, Chủ đầu tư đã triển khai các bước tiếp theo để đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện dự án có phát sinh một số vướng mắc liên quan đến kiến nghị của người dân về tuyến đường hiện trạng nối từ thôn Sông Cùng đi thôn Cầu Bài, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân địa phương trong khu vực thì việc điều chỉnh là cần thiết.

2. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu:

a) *Vị trí khu đất, ranh giới*: Phạm vi ranh giới quy hoạch tại đồ án điều chỉnh quy hoạch được giữ nguyên theo như Quy hoạch chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp với CCN Tân Hưng;
- Phía Nam giáp với khu dân cư và ruộng lúa của thôn Quyết Thắng - xã Xương Lâm và thôn Sông Cùng xã Tân Hưng;
- Phía Đông giáp với đất ruộng của xã Tân Hưng và tuyến đường theo quy hoạch chung của huyện Lạng Giang;
- Phía Tây giáp với tuyến đường gom cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn.

b) *Quy mô đồ án*: Quy mô diện tích lập điều chỉnh quy hoạch khoảng 105,3ha.

3. Tính chất:

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực: chế biến nông lâm sản, chế biến thực phẩm, cơ khí chế tạo máy, linh kiện điện tử, bao bì và các ngành công nghiệp phụ trợ có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện môi trường...

4. Quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh:

Bảng cơ cấu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh:

ST T	Chức năng sử dụng đất	Trước điều chỉnh		Sau điều chỉnh	
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
		(ha)	(%)	(ha)	(%)
A	Tổng diện tích đất nghiên cứu ($A=A1+A2+A3+B$)	107,83		107,00	
<i>A1</i>	<i>Đường gom cao tốc</i>	<i>1,03</i>		<i>1,03</i>	
<i>A2</i>	<i>Đường giao thông hoàn trả</i>	<i>1,50</i>		<i>0,25</i>	
<i>A3</i>	<i>Mương hoàn trả</i>			<i>0,42</i>	
B	Tổng diện tích lập quy hoạch	105,30	100,00	105,30	100,00

1	Đất công nghiệp: Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp, kho hậu cần, nhà xưởng cho thuê	73,61	69,91	73,61	69,91
2	Đất cây xanh, mặt nước	14,15	13,44	14,01	13,30
2.1	Đất cây xanh	10,70	10,16	10,88	10,33
2.2	Đất mặt nước	3,45	3,28	3,13	2,97
3	Đất hành chính dịch vụ	0,91	0,86	0,72	0,68
3.1	Đất khu hành chính dịch vụ 01	0,91		0,72	
4	Đất khu kỹ thuật	1,27	1,21	1,54	1,46
4.1	Đất khu hạ tầng kỹ thuật 01	0,21		0,32	
4.2	Đất khu hạ tầng kỹ thuật 02	1,06		1,22	
5	Đất giao thông, bãi đỗ xe	15,36	14,58	15,42	14,65
5.1	Đất bãi đỗ xe 1	1,06		1,06	
5.2	Đất bãi đỗ xe 2	0,21		0,22	
5.3	Đất giao thông	14,09		14,14	

5. Quy hoạch điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

- Mặt cắt 1A - 1A: Quy mô mặt cắt ngang B = 50,5m; trong đó phạm vi đất giao thông là 35,0m; cụ thể như sau:

- + Mặt đường: 12,5m x 2 = 25,0m (không thay đổi);
- + Vía hè: 5,0 m x 2 = 10,0m (không thay đổi);
- + Dải phân cách: 15,5m (không thay đổi).

- Mặt cắt 1B-1B: Quy mô mặt cắt ngang B=50,5m; trong đó phạm vi đất giao thông là 35,0m; cụ thể như sau:

- + Mặt đường: 12,5m x 2 = 25,0m (không thay đổi);
- + Vía hè: 5,0 m x 2 = 10,0m (không thay đổi);
- + Kênh 12,5m; bờ kênh 1,5m x 2 = 3,0m (không thay đổi).

- Mặt cắt 2A-2A: Quy mô mặt cắt ngang 32m (theo QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021) nay điều chỉnh có mặt cắt ngang B=34,0m; trong đó phạm vi đất giao thông là 17,5m; cụ thể như sau:

- + Mặt đường: 6,25m x 2 = 12,5m (không thay đổi);
- + Vía hè 1 bên: 5,0m (không thay đổi);
- + Kênh: 14,0m; bờ kênh: 2,5m (thay đổi).

- Mặt cắt 2B-2B: Quy mô mặt cắt ngang B=29,5m (theo QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021) nay điều chỉnh có mặt cắt ngang B=17,5m trong đó phạm vi đất giao thông 17,5m; cụ thể như sau:

- + Mặt đường: $6,25\text{m} \times 2 = 12,5\text{m}$ (không thay đổi);
- + Vía hè 1 bên: $5,0\text{ m}$ (không thay đổi).
- Mặt cắt 3-3: Quy mô mặt cắt ngang $B = 31,5\text{m}$ (theo QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021) nay điều chỉnh mặt cắt ngang $B=19,0\text{m}$; trong đó phạm vi đất giao thông là $19,0\text{m}$; cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $4,5\text{m} \times 2 = 9,0\text{m}$ (thay đổi);
 - + Vía hè: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$ (thay đổi).
- Mặt cắt 4-4: Quy mô mặt cắt ngang $B = 34,75\text{m}$ trong đó phạm vi đất giao thông là $18,5\text{m}$; cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$ (không thay đổi);
 - + Vía hè: $2,0\text{m} + 6,0\text{m}$ (không thay đổi);
 - + Kênh $9,0\text{m}$; bờ kênh: $7,25\text{m}$ (thay đổi).
- Mặt cắt 5A-5A: Trước là mặt cắt 5-5 có mặt cắt ngang $22,5\text{m}$ (theo QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021) nay điều chỉnh có mặt cắt ngang $B = 18,5\text{m}$; trong đó phạm vi đất giao thông là $18,5\text{m}$; cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$ (không thay đổi);
 - + Vía hè: $6,0\text{m} + 2,0\text{m}$ (thay đổi).
- Mặt cắt 5-5: Quy mô mặt cắt ngang $B=22,5\text{m}$ trong đó phạm vi đất giao thông là $22,5\text{m}$; cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$ (không thay đổi);
 - + Vía hè: $6,0\text{m} \times 2 = 12,0\text{m}$ (không thay đổi).
- Mặt cắt 6A-6A: Quy mô mặt cắt ngang $B=19,5\text{m}$ trong đó phạm vi đất giao thông $19,5\text{m}$; cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$ (không thay đổi);
 - + Vía hè: $4,5\text{m} \times 2 = 9,0\text{m}$ (không thay đổi).
- Mặt cắt 7-7: Quy mô mặt cắt ngang $B = 16,5\text{m}$ (theo QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021) nay điều chỉnh có mặt cắt ngang $B = 27,5\text{m}$, trong đó phạm vi đất giao thông $17,5\text{m}$; cụ thể như sau
 - + Mặt đường: $6,25\text{m} \times 2 = 12,5\text{m}$ (thay đổi);
 - + Vía hè 1 bên: $5,0\text{m}$ (thay đổi);
 - + Dải cây xanh: $10,0\text{m}$.
- Mặt cắt 8-8: Quy mô mặt cắt ngang $B=23,0\text{m}$ (theo QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021) nay điều chỉnh có mặt cắt ngang $B=24,0\text{m}$; trong đó phạm vi đất giao thông $14,0\text{m}$; cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $4,5\text{m} \times 2 = 9,0\text{m}$ (không thay đổi);
 - + Vía hè 1 bên: $5,0\text{m}$ (thay đổi);
 - + Dải cây xanh cách ly (bãi đỗ xe): $10,0\text{m}$
 - + Đường Quy hoạch bề rộng $35,0\text{m}$
- Mặt cắt 9-9 (Đường gom cao tốc): Quy mô mặt cắt ngang $B=21\text{m}$; cụ thể như sau:

- + Mặt đường: $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$ (không thay đổi);
- + Vĩa hè: $4,5\text{m}$, lề đường $1,5\text{m}$ (không thay đổi).
- Mặt cắt 10-10 (bổ sung): Quy mô mặt cắt ngang $B = 24,0\text{m}$ trong đó phạm vi đất giao thông là $14,0\text{m}$; cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $4,5\text{m} \times 2 = 9,0\text{m}$;
 - + Vĩa hè 1 bên: $5,0\text{m}$;
 - + Dải cây xanh cách ly: $10,0\text{m}$.
- Mặt cắt 11-11 (bổ sung): Quy mô mặt cắt ngang $B = 23,0\text{m}$ trong đó phạm vi đất giao thông là $14,5\text{m}$; cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$;
 - + Vĩa hè: $4,0\text{m}$;
 - + Dải cây xanh $8,5\text{m}$.
- Mặt cắt 12A-12A; 12B-12B (Đường Bê tông hoàn trả CCN – Phía nam CCN): Quy mô mặt cắt ngang $B = 7,0\text{m}$, cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $4,5\text{m}$;
 - + Lề đường: $2,0\text{m}$ (trái) và $0,5\text{m}$ (phải)
- Mặt cắt 8A-8A đường Bê tông hoàn trả KCN – Phía đông KCN: Quy mô mặt cắt ngang $B = 10,0\text{m}$, cụ thể như sau:
 - + Mặt đường: $2,5\text{m} \times 2 = 5,0\text{m}$;
 - + Lề đường và taluy: $2,0\text{m} + 3\text{m} = 5,0\text{m}$

b) *San nền*: Căn cứ vào cao độ hiện trạng của khu vực, thiết kế cao độ san nền khu vực: Cao độ thấp nhất là: $+8,0\text{m}$; cao độ cao nhất là $+8,80\text{m}$, hướng thoát, đường đồng mức trong một số lô có thay đổi cho phù hợp với phương án bố trí Quy hoạch Giao thông và Thoát nước mưa điều chỉnh. Điều chỉnh hướng thoát nước lưu vực phía đông dự án theo hướng dốc từ Đông sang Tây. Các nội dung khác tuân thủ theo quy hoạch được duyệt tại QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 16/7/2021.

c) Thoát nước:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Điều chỉnh hệ thống thoát nước mưa theo sự điều chỉnh về QH sử dụng đất và QH các tuyến giao thông.

+ Hướng thoát nước mưa: Nước mưa được thu gom từ mặt đường và các lô đất theo tuyến thoát nước mưa dọc các tuyến đường, sau đó theo hướng thoát ra các tuyến kênh trong KCN ở vị trí gần và thuận lợi nhất để đảm bảo tiêu thoát đồng thời tiết kiệm, hiệu quả. Toàn bộ nước mưa trong KCN sẽ thoát về tuyến kênh phía Tây Nam của dự án để đổ ra sông Lục Nam.

+ Điều chỉnh bỏ tuyến kênh thoát nước có ký hiệu MN-04 (theo ký hiệu tại QHCT Khu công nghiệp đã được phê duyệt) thay bằng tuyến cống hộp dọc theo tuyến số 5 (theo ký hiệu tại phương án QHCT điều chỉnh), tuyến cống này để vừa phục vụ tưới/ tiêu cho khu vực Đông Bắc của dự án, vừa bảo đảm thoát nước trong dự án.

+ Điều chỉnh mái dốc hệ thống kênh tiêu K2, K3B, K4, K6, K7 để ổn định mái kênh và tăng diện tích mặt nước.

+ Đề xuất bố trí mương hoàn trả tưới tiêu phục vụ đất canh tác tại khu vực đông bắc của dự án có mặt cắt rộng 5m. Mương hoàn trả được kết nối từ hệ thống tưới tiêu nội đồng đến hệ thống cống hóa kênh tiêu K5 và thoát về điểm xả phía Nam của KCN.

+ Bố trí mương hoàn trả tại sát ranh giới phía Đông của KCN, dọc theo đường bê tông hoàn trả khu vực này, tiết diện mương B500 (bằng với tiết diện mương hiện trạng).

- *Hệ thống thoát nước thải:*

+ Quy hoạch điều chỉnh phân chia lại các lô đất, thay đổi chỉ tiêu cấp nước, thay đổi tuyến đường giao thông nội bộ dẫn đến điều chỉnh tổng thể hệ thống đường ống thoát nước thải và công suất trạm xử lý nước thải sau điều chỉnh là **7.000 m³/ng.đ.**

+ Điều chỉnh vị trí trạm bơm chuyên bậc cho phù hợp với hệ thống TNT điều chỉnh.

d) Cấp nước:

- Nguồn nước: Từ nhà máy nước sạch Hương Sơn công suất 2.400m³/ng.đ, theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Trạm bơm và bể chứa được tính toán điều chỉnh cho phù hợp với việc thay đổi chỉ tiêu cấp nước. Lô đất HTKT-01 được điều chỉnh về diện tích để phù hợp với quy mô trạm bơm và bể chứa điều chỉnh.

- Do nhu cầu đăng ký của các khách hàng thứ cấp tăng cao dẫn đến cần điều chỉnh tăng nhu cầu cấp nước cho đất CN từ 22m³/ha/ng.đ thành 75m³/ha/ng.đêm. Nhu cầu cấp nước tăng từ 2.400m³/ng.đ lên **8.300 m³/ng.đ.**

- Căn cứ vào tính toán thủy lực mạng lưới cấp nước sử dụng ống chính ống DN160mm, DN225mm, DN280mm, DN315mm và các ống dịch vụ DN90mm. Các tuyến ống được lắp đặt dọc theo đường nội bộ của khu; trên các tuyến đặt van chặn để thuận tiện cho công tác quản lý.

e) Cấp điện:

- Do nhu cầu đăng ký của các khách hàng thứ cấp tăng cao dẫn đến việc cần phải điều chỉnh chỉ tiêu cấp điện (thay đổi từ 350kW/ha lên 1.000kW/ha cho đất công nghiệp). Tổng nhu cầu công suất biểu kiến sau điều chỉnh của KCN là khoảng 55 MVA (QHCT đã được phê duyệt là 36MVA). Điều này cũng phù hợp với thực trạng chỉ tiêu cấp điện hiện tại cho các nhà máy trong các KCN ở Bắc Giang có xu hướng phổ biến cao hơn chỉ tiêu định hướng theo QCVN.

- Mạng phân phối 35(22) kV theo quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh, thay đổi chỉ tiêu cấp điện, thay đổi phương án đường dây cấp điện, thay đổi tuyến đường giao thông được điều chỉnh như sau:

- Hệ thống cấp điện trung áp là hệ thống mạch hình tia, cấp trên không, được chia thành 7 tia cấp điện cho các lô đất. Trong giai đoạn đầu, khi trạm 110kV Tân Hưng chưa được xây dựng, các tuyến cấp điện được đấu nối với tuyến

cáp điện 35kV đã được xây dựng để cấp điện cho các khu hành chính, HTKT và các lô, khi trạm biến áp 110kV Tân Hưng được xây dựng và vận hành thì các phụ tải nói trên sẽ được cấp điện bởi mạch có điện áp 22kV. Quy hoạch mạch tia số 5 và số 6 (mạch M5 và M6) tương lai sẽ cấp điện cho CCN Tân Hưng từ trạm biến áp 110kV Tân Hưng khi trạm được xây dựng và đi vào vận hành.

- Cấp điện trung thế sử dụng cáp trên không nhôm trần lõi thép ACSR kết hợp cáp ngầm ngầm loại 35kV 3 lõi Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC chôn trực tiếp trong đất tại các điểm hạ ngầm cáp, tiết diện cáp trên không cho các mạch là 240mm² và 400mm² đối với cáp ngầm. Đối với mạch nhánh, tải các lô đất cuối mạch sử dụng cáp ACSR có tiết diện 150mm² và cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC có tiết diện 185mm².

- Trạm biến áp: Các trạm biến áp cho từng lô đất nhà máy sẽ được xây dựng khi có khách hàng thuê đất, nguồn điện được lấy từ hệ thống đường dây điện trên không đã được bố trí. Xây dựng 02 trạm biến áp để cấp điện hạ thế cho chiếu sáng, các khu hành chính và tiện ích HTKT: 01 trạm biến áp 1500kVA và 01 trạm biến áp 630kVA.

- 02 tuyến đường dây đi trên không 35kV hiện trạng đi qua khu vực dự án sẽ được thu hồi, phá dỡ và hoàn trả. Tuyến sát với ranh giới phía Đông được hoàn trả tại các cột bố trí sát ranh giới dự án. Tuyến sát với tuyến giao thông số 3 được hạ ngầm để đảm bảo bố trí dễ dàng với các hệ thống HTKT khác trong KCN.

f) Hệ thống chiếu sáng:

- Hệ thống chiếu sáng theo quy hoạch giao thông điều chỉnh, thay đổi phương án đường dây cấp điện, bố trí lại vị trí tủ điện chiếu sáng :

- Hệ thống chiếu sáng được điều khiển bằng 03 tủ điều khiển chiếu sáng TSC-01, TSC-02 và TSC-03, được cấp điện từ 02 TBA (THT-01 và THT-02) lắp đặt tại 2 khu đất HTKT-01 và HTKT-02.

- Thay đổi : loại bỏ TBA 75kVA tại vị trí gần trạm 110kV dự kiến (phía Đông Đông Nam dự án), tủ TSC-03 sẽ được cấp điện từ THT-02 đặt tại lô đất HTKT-02.

- Khoảng cách giữa các cột đèn trung bình khoảng 35 - 40m.

g) Thông tin liên lạc:

- Vị trí đầu nối với tín hiệu cáp thông tin dẫn từ CCN Tân Hưng từ phía Bắc, bố trí tủ phân phối trung tâm, từ tủ phân phối trung tâm, bố trí các tuyến ống PVC chôn ngầm tới các lô đất.

- Ống TTLL sử dụng loại ống PVC D110. Tuyến ống kết nối từ các lô đất thuộc CCN phía bắc sử dụng 01 ống luồn dây. Dọc theo các tuyến ống, các điểm tuyến ống rẽ nhánh, đổi hướng, bố trí hố ga TTLL để phục vụ cho việc vận hành và bảo trì hệ thống. Khoảng cách trung bình giữa các hố ga không lớn hơn 100m. Vị trí hố ga sẽ được xác định ở các bước thiết kế tiếp theo.

- Bố trí trạm phân phối trung tâm trong lô đất hành chính dịch vụ.

h) Chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom tại chỗ và vận chuyển đến khu xử lý CTR chung của khu vực.

i) *Đánh giá môi trường chiến lược*: Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

6. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng:

- Công trình: Khu hành chính, nhà xưởng sản xuất;
- Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và khu xử lý nước thải...

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang (tỷ lệ 1/500)” ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Xây dựng, Công ty Cổ phần LIĐECO1 chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang, Công ty Cổ phần LIĐECO1 và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích